

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 151/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 19-7-2019.
V/v “ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Công Thúc.

Các Hội Thẩm nhân dân:

Ông: Nguyễn Thanh Hoàng

Ông: Nguyễn Văn Ghên

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Thanh, tỉnh Long An.

Ngày 19/7/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 492/2019/TLST-HNGĐ ngày 15/5/2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 182/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/6/2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 109/2019/QĐST-HNGĐ ngày 01/7/2019, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

2. *Bị đơn:* Ông Trần Văn T, sinh năm 1987;

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Đ, tỉnh Long An. (Bà P có mặt, ông T xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và những lời tiếp theo bà Nguyễn Thị P, trình bày:

Bà và ông Trần Văn T chung sống với nhau vào năm 2005, có đăng ký kết hôn vào năm 2006 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2014 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bà P cho rằng cuộc sống vợ chồng không hòa hợp do bất đồng quan

điểm, ông T có quan hệ với người phụ nữ khác nên vợ chồng đã ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà xin ly hôn.

Về con chung: Bà P khai bà và ông T có 02 con chung là các cháu Trần Chí T1, sinh năm 2006 và Trần Chí T2, sinh năm 2012; hiện con đang sống chung với bà. Khi ly hôn, bà P xin được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà P khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với ông Trần Văn T, từ khi Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án cho đến nay đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông T vắng mặt, không có ý kiến gì phản hồi yêu cầu khởi kiện của bà P.

Tòa án không tiến hành hòa giải do nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải.

Tại phiên tòa, nguyên đơn không bổ sung ý kiến gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai công khai tại phiên tòa, trên cơ sở trình bày của đương sự, qua thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. *Về thủ tục tố tụng, thẩm quyền giải quyết vụ án,*

Bà Nguyễn Thị P xin ly hôn với ông Trần Văn T. Ông T hiện đang cư trú tại ấp Hòa Hiệp, xã An Ninh Đông, Đức Hòa, Long An. Theo quy định tại các điều 28, 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ông Trần Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa tiến hành đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm theo thủ tục chung là đúng với quy định các điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. *Về nội dung,*

[2.1] *Về hôn nhân:*

Bà Nguyễn Thị P và ông Trần Văn T chung sống với nhau vào năm 2005, có đăng ký kết hôn vào năm 2006 là hôn nhân hợp pháp, phù hợp với Điều 11, 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Tại phiên tòa, bà P vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn vì cho rằng mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn.

Đối với ông Trần Văn T, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông T vẫn vắng mặt, không có ý kiến gì phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện

của bà P. Tại phiên tòa, bà P vẫn vắng mặt, điều này chứng tỏ cả hai bên cũng không có thiện chí để hàn gắn, đoàn tụ trong khi thời gian ly thân nhau đã lâu.

Nhận thấy, tình cảm vợ chồng giữa bà P và ông T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà P xin ly hôn là có căn cứ phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2]. Về con chung:

Bà P khai có 02 con chung là các cháu là các cháu Trần Chí T1, sinh năm 2006 và Trần Chí T2, sinh năm 2012; hiện con đang sống chung với bà. Khi ly hôn, bà P xin được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Ông T vắng mặt, không có ý kiến gì phản hồi đối với yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con chung của bà P. Tuy nhiên, các cháu Tâm, cháu Tân hiện nay đã đủ 07 tuổi, tại bản tự khai các cháu đều có nguyện vọng sống với bà P khi cha, mẹ ly hôn. Do vậy, Hội đồng xét xử giao con chung cho bà P được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp với nguyện vọng của các cháu, phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Về cấp dưỡng: Bà P không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà P khai không có. Ông Trần Văn T vắng mặt, không có ý kiến phản hồi về việc quá trình sống chung giữa ông và bà P có tài sản chung hoặc có nợ chung hay không nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp ông T có phát sinh tranh chấp về tài sản trong thời kỳ hôn nhân thì có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác nếu có căn cứ.

[3.] Về án phí: Bà Nguyễn Thị P phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước là đúng quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 63, 147, 222, 227, 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 85, 86, 107, 110 và 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị P được ly hôn với ông Trần Văn T.

2. Về con chung:

Bà Nguyễn Thị P được quyền trực tiếp nuôi con chung là các cháu Trần Chí T1, sinh ngày 30/9/2006 và Trần Chí T2, sinh ngày 26/12/2012

Ông Trần Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con vì bà Nguyễn Thị P không yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức hoặc cha, mẹ có thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con phải xem xét nguyện vọng của con từ đủ 07 tuổi trở lên.

3. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị P phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước nhưng được chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004670 ngày 15/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, sang án phí để thi hành.

4. Án xử sơ thẩm và tuyên án công khai, nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc được niêm yết theo quy định pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- UBND TT Hiệp Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Văn Công Thức